TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 09/8/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Chau Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Bà Néang Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2019 về: *"Tranh chấp Đòi tài sản",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX- DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty TNHH Một Thành viên TN; địa chỉ: Đường 3/2, khóm N, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật – ông Trịnh Thanh H, sinh năm: 1956 – chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Trịnh Thanh H là ông Trịnh TH, sinh năm: sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Tổ B, khóm B, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2019 của ông Trịnh Thanh H – Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên TN.

2. Bị đơn: Ông Trương Quang M, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp AT, xã LP, huyện TT, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp AT, xã LP, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa ông TH có mặt. Những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 với các tài liệu kèm theo của nguyên đơn cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Trịnh TH – đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Quang M là nhân viên của Công ty TNHH Một Thành viên TN (gọi tắt là Công ty TN) từ năm 2013. Năm 2018 ông M nhiều lần tự ý lấy tiền của khách hàng trả cho Công ty TN để chi xài, mua sắm phục vụ cho nhu cầu chung gia đình của ông, không giao lại Công ty TN.

Ngày 02/7/2018 Công ty TN với ông M kết sổ thì xác định số tiền ông M nhận của khách hàng trả nợ cho Công ty TN mà ông M nhận không giao là 162.052.000 đồng và ông M cam kết trả dần lại cho Công ty TN với mỗi tháng 7.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện vào ngày 06/8/2018. Riêng ngày 10/8/2018 ông M phải trả 33.000.000 đồng. Việc cam kết có làm giấy, nhưng ông M không thực hiện, khi Công ty điện hỏi thì ông còn đe dọa.

Vì quyền lợi của Công ty TN bị xâm phạm, nên Công ty TN yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M cùng vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm C phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Công ty 162.052.000 đồng, cùng với lãi suất phát sinh kể từ ngày 02/7/2018 đến khi xét xử.

Bị đơn ông Trương Quang M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm C, đã được thông báo hợp lệ tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt, không lý do.

Tại phiên tòa, ông TH có một phần thay đổi là chỉ yêu cầu cá nhân ông M trả mà không còn yêu cầu bà C có nghĩa vụ liên đới cùng ông M trả cho Công ty TN và chỉ yêu cần tính lãi kể từ ngày 06/8/2018 chứ không yêu cầu tính lãi từ tháng 7/2018 như trước đây.

Quan điểm của Kiểm sát viên.

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền tố tụng của mình.

Về nội dung: Theo lời khai những người làm chứng đã được Tòa án thu thập tại các biên bản cùng ngày 01/7/2019 thì trong thời gian làm việc tại Công ty TN, ông M có nhận tổng số tiền 162.052.000 đồng của khách hàng trả cho Công ty TN, nhưng không giao lại; chứng cứ được Tòa án thông báo niêm yết cho ông M theo quy định và ông M không có ý kiến phản hồi, nên xét yêu cầu của Công ty TN là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Ông M, bà C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng ông M, bà C vắng mặt không lý do, do đó HĐXX vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bà ông M, bà C theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông TH có thay đổi là chỉ yêu cầu cá nhân ông M trả mà không yêu cầu bà C có nghĩa vụ liên đới. Xét một phần thay đổi yêu cầu của ông TH thuộc trong phạm vi khởi kiện, nên HĐXX chấp nhận.

[2]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Công ty TN kiện ông M trả lại tài sản không thuộc trường hợp tính thời hiệu; Ông M có nơi trú tại xã LP, huyện TT, nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Công ty TN yêu cầu ông M trả 162.0520.000 đồng cùng với lãi suất, nhưng trong suốt quá trình tố tụng ông M vắng mặt, không phản hồi ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn đã được thông báo. Theo đó Tòa án xác minh thu thập chứng cứ như sau:

Tại các biên bản lời khai cùng ngày 01/7/2019 của các ông bà: Chanh Thi Đ, Phan Thanh HU, Đỗ Văn CA thể hiện: Các ông bà cùng làm chung với ông M tại Công ty TN. Trong thời gian làm chung, ông M phụ trách tiếp thị bán hàng (Sữa Vinamil) cho Công ty TN, nhưng khi cá nhân hay tiệm tạp hóa (người mua hàng của Công ty) trả tiền cho Công ty TN bằng cách giao qua cho ông M để giao lại cho Công ty TN thì ông M không giao mà chiếm dụng nhiều lần với thời gian dài, đến khi Công ty TN phát hiện đối chiếu với con nợ thì ông M thừa nhận chiếm dụng của Công ty TN 162.052.000 đồng, có làm giấy cam kết trả lại nhưng không thực hiện. Giấy cam kết ngày 02/7/2018 do ông M viết và ký tên có bà Chanh Thi Đ chứng kiến.

Với lời khai của các ông bà Chanh Thi Đ, Phan Thanh HU, Đỗ Văn CA, HĐXX xét thấy Công ty TN kiện ông M phải trả 162.052.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện, theo giấy cam kết ngày 02/7/2018 là có căn cứ, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

Như vậy, thời gian ông M cam kết thực hiện là tháng 8/2018 đến nay là tháng 8/2019 bằng 12 tháng. Lãi suất chậm thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, do không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bằng 10%/năm. Cụ thể:

Số tiền 162.052.000 đồng x 10% x 12/12 = 16.205.000 đồng.

Tổng cộng ông M phải trả cho Công ty TN 162.052.000 đồng + 16.205.000 đồng = 178.257.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty TN yêu cầu trả ngay, HĐXX giải thích sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Công ty TN được chấp nhận, nên Công ty TN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà Công ty TN đã nộp. Đối với ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 166, 357 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một Thành viên TN.

Buộc ông Trương Quang M phải trả cho Công ty TNHH Một Thành viên TN 178.257.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Trương Quang M phải chịu 8.912.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT hoàn trả cho ông Trịnh Thanh H (Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một Thành viên TN) 4.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012289 ngày 09/4/2019.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/8/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ